

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày 24-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Duyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Hậu

Bà Trần Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Quỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H (tức: Từ); sinh ngày 14 tháng 10 năm 1970 tại tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Tổ H, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); vợ Nguyễn Thị Minh L; con: Có 01 con, sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: 03 tiền án. Cụ thể: Bản án số 11/ST-HS ngày 09/3/1991 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phú xử phạt Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân và 12 (mười hai) tháng tù về tội Chiếm đoạt vũ khí quân dụng. Tổng hợp hình phạt là 21 (hai mươi một) tháng tù giam. Buộc Phạm Văn H liên đới bồi thường dân sự số tiền là 3.000.000 đồng, án phí hình sự và án phí dân sự là 30.000 đồng. Kết quả xác minh thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xác định toàn bộ hồ sơ, sổ sách về việc thi hành án của Phạm Văn H theo Bản án số 11/ST-HS ngày 09/3/1991 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phú không có tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra, Phạm Văn H khai nhận chưa bồi thường số tiền

3.000.000 đồng cho bị hại. Do đó xác định bị cáo chưa được xóa án tích. Bản án số 23/ST-HS ngày 22/3/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xác định Phạm Văn H phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” xử phạt Phạm Văn H 02 (hai) năm tù về tội Cướp tài sản công dân và 02 (hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản công dân, tổng hợp hình phạt là 04 (bốn) năm tù, liên đới bồi thường dân sự 100.000 đồng, án phí hình sự và án phí dân sự là 30.000 đồng. Bản án số 1190 ngày 20/8/1993 của Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm là 15.000 đồng. Kết quả xác minh thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xác định Phạm Văn H đã thi hành xong khoản án phí 30.000 đồng. Đối với khoản bồi thường 100.000 đồng không thể hiện đã thi hành xong hay chưa. Quá trình điều tra bị cáo Phạm Văn H khai chưa bồi thường số tiền 100.000 đồng. Do đó xác định bị cáo chưa được xóa án tích. Bản án số 38/HSST ngày 22/5/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xác định Phạm Văn H phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” xét xử 04 (bốn) năm tù về tội Phá hủy tiền tệ, 12 (mười hai) năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, tổng hợp hình phạt là 16 (mười sáu) năm tù, buộc Phạm Văn H phải bồi thường dân sự là 170.000 đồng và 01 chỉ vàng, chịu 50.000 đồng tiền án phí hình sự và 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bản án số 1967 ngày 24/11/1997 của Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối cao y án sơ thẩm, Phạm Văn H phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Kết quả xác minh thi hành án tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc xác định tháng 6/1998 Phòng thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc) đã ra quyết định thi hành án đối với Phạm Văn H, đến thời điểm hiện nay thì Phạm Văn H không còn phải thi hành các khoản án phí nêu trên. Đối với phần bồi thường dân sự không có đơn đề nghị của bị hại. Quá trình điều tra Phạm Văn H khai chưa bồi thường cho bị hại. Do đó xác định bị cáo chưa được xóa án tích. Tại Bản án số 1967 ngày 24/11/1997 của Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối cao đánh giá bị cáo Phạm Văn H phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo Phạm Văn H do cố ý, do đó xác định bị cáo phạm tội theo tình tiết định khung tại điểm 1 khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự “tái phạm nguy hiểm”; nhân thân: Bản án số 06 ngày 23/01/1989 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phú xử về tội Cướp giật tài sản công dân, xử phạt 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo (đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2023, tạm giam từ ngày 02/8/2023 đến nay; có mặt.

2. Hoàng Đức Q, tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/5/1989 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Thượng N (đã chết) và bà Lý Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 09/2008/HS-ST ngày 07/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Hoàng Đức Q 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội Vận chuyển hàng cấm (đã được xóa án tích). Bản án số 76/2009/HSST ngày 14/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 (mười tám) tháng tù giam

về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 18 (mười tám) tháng tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt là 36 (ba mươi sáu) tháng tù giam (đã được xóa án tích). Bản án số 41/2015/HSST ngày 30/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 (mười hai) tháng tù giam về tội Buôn lậu (đã được xóa án tích). Ngày 20/01/2014, Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC về hành vi Đánh bạc, xử phạt tiền 1.500.000 đồng, ngày 23/01/2014 Hoàng Đức Q đã nộp tiền (đã xóa tiền sự); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2023, tạm giam từ ngày 02/8/2023 đến nay; có mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Lý Văn L1; vắng mặt.
2. Anh Trần Việt A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 26/7/2023, tổ công tác của Công an huyện C phối hợp với phòng Cảnh sát giao thông, phòng K - Công an tỉnh L làm nhiệm vụ tại khu vực bến xe phía Bắc thuộc khối A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 12A - 07049, nhãn hiệu KIA RIO, màu trắng đi hướng thị trấn Đ - C có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội. Tổ công tác tiến hành dừng và kiểm tra phương tiện. Tại thời điểm kiểm tra, trên xe có lái xe tên Trần Việt A, sinh năm 1992, trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và người ngồi ghế phụ tên Phạm Văn H, sinh năm 1970, trú tại: Tổ H, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, phát hiện tại cốp xe có 05 (năm) thùng hàng được bọc bằng bao tải dứa màu xanh, bên trong mỗi thùng có 04 (bốn) hộp hình vuông bọc giấy nilon có ghi chữ nước ngoài, nghi là pháo. Phạm Văn H khai nhận bên trong 05 (năm) thùng hàng có tổng cộng 20 (hai mươi) giàn pháo loại 100 lỗ/1 giàn, Phạm Văn H mua của Hoàng Đức Q, sinh năm 1989, trú tại: Khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và thuê taxi vận chuyển về nhà ở phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để bán kiếm lời. Tổ công tác đã đưa người cùng tang vật về trụ sở để xác minh làm rõ.

Căn cứ lời khai của Phạm Văn H, ngày 27/7/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Đức Q.

Vật chứng thu giữ: 20 (hai mươi) giàn pháo loại 100 lỗ/1 giàn có đặc điểm là các khối hộp, được bọc bằng giấy nilon màu, bên trong mỗi hộp có 100 ống hình trụ được liên kết với nhau có tổng trọng lượng là 78kg (bảy mươi tám kilôgam), 05 (năm) thùng bìa catton màu vàng, 05 (năm) bao tải dứa màu xanh.

Ngoài ra còn tạm giữ một số đồ vật, tài sản sau: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA RIO biển kiểm soát 12A-07049; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG, màu đen, số IMEI 1: 351662616498541, số IMEI 2:

352465216498542, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 865073042278094, số IMEI 2: 865073042278086, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 810/KL-KTHS, ngày 29/7/2023 của Phòng K1, Công an tỉnh L kết luận: Khối hình hộp gửi giám định là pháo; Loại: Pháo hoa nổ (Có chứa thuốc pháo, khi đốt gây ra tiếng nổ).

Quá trình điều tra xác định được như sau: Hoàng Đức Q và Phạm Văn H có quen biết nhau từ trước. Khoảng đầu tháng 7 năm 2023, Phạm Văn H gọi điện thoại cho Hoàng Đức Q để hỏi mua pháo, mục đích mua về để bán kiếm lời. Sau đó Hoàng Đức Q gọi đến số 0358.803.995 để hỏi T1 (khoảng 28 tuổi, ở xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) xem có pháo loại 100 lỗ/1 giàn, T1 trả lời là có và báo giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) một giàn, Hoàng Đức Q đồng ý đặt mua 20 (hai mươi) giàn. Sau khi liên hệ hỏi mua được pháo, Hoàng Đức Q gọi điện thoại cho Phạm Văn H báo là có pháo loại 100 lỗ/1 giàn, với giá 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng), Phạm Văn H đồng ý mua và chuyển đặt cọc số tiền 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) vào tài khoản ngân hàng T3 của Hoàng Đức Q. Nhưng sau đó do không lấy được pháo nên Hoàng Đức Q đã trả lại cho Phạm Văn H số tiền trên.

Khoảng mấy ngày sau T1 gọi điện lại và báo với Hoàng Đức Q đã lấy được pháo. Hoàng Đức Q trao đổi lại với Phạm Văn H, Phạm Văn H đồng ý mua và chuyển số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đặt cọc cho Hoàng Đức Q. Sau khi vận chuyển được pháo về, Hoàng Đức Q bảo T1 chở pháo ra nhà ông Lý Viết C, sinh năm 1966, trú tại: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để cất giấu vì Hoàng Đức Q có phòng ngủ tại đây. Đến ngày 26/7/2023 Hoàng Đức Q gọi cho Phạm Văn H báo đã có pháo. Cùng ngày, Phạm Văn H đi xe khách từ thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc lên thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 18 giờ 00 phút Phạm Văn H đến trung tâm thương mại Đ, Hoàng Đức Q ra đón về nhà ông Lý Viết C. Đến 20 giờ 00 phút sau khi nhận đủ 20 giàn pháo, loại 100 lỗ/1 giàn, Phạm Văn H gọi xe taxi do Trần Viết A là lái xe để thuê chở về thành phố P. Hoàng Đức Q và Phạm Văn H cùng lấy 05 thùng pháo, bên trong có 20 giàn pháo, loại 100 lỗ/1 giàn cho vào cốp xe taxi, sau đó Phạm Văn H lên ghế phụ ngồi rồi bảo taxi đưa về nhà tại phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 26/7/2023, khi đi đến khối A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì lực lượng công an kiểm tra phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên.

Đối với vật chứng của vụ án là pháo nổ, ngày 11/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã trả xe ô tô nhãn hiệu KIA RIO biển kiểm soát 12A-07049 cho anh Trần Viết A là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với đồ vật khác bị tạm giữ đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với nam thanh niên tên T1 theo lời khai của bị cáo Hoàng Đức Q là người bán 20 (hai mươi) giàn pháo cho bị cáo Hoàng Đức Q. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã xác minh tại xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và cho bị cáo Hoàng Đức Q tiến hành nhận dạng những người tên T1 ở độ tuổi từ 23 đến 35 cư trú trên địa bàn xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, bị cáo Hoàng Đức Q không nhận ra ai là T1 đã mang pháo về bán cho bị cáo Hoàng Đức Q. Về số điện thoại 0358.803.995 bị cáo Hoàng Đức Q khai T1 sử dụng để liên lạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã ra lệnh thu giữ thư tín, điện tín. Kết quả trả lời của Tập đoàn V (V1) chủ thuê bao 0358.803.995 là Tiêu Quốc T2, sinh năm 1984; trú tại: Số E, khóm I, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi nhận được kết quả trả lời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định ủy thác điều tra đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để tiến hành làm việc với Tiêu Quốc T2, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời. Do vậy, chưa xác định được danh tính của nam thanh niên tên T1, Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã tách hành vi để tiếp tục điều tra xác minh đối với trường hợp trên.

Đối với anh Trần Viết A, sinh năm 1992; trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là lái xe Taxi được Phạm Văn H thuê chở về tỉnh Vĩnh Phúc, không biết việc bị cáo Phạm Văn H thuê xe để chở “pháo”. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn không đặt vấn đề xử lý.

Đối với ông Lý Viết C, sinh năm 1966; trú tại: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là chủ nhà nơi bị cáo Hoàng Đức Q cất giấu pháo. Quá trình điều tra xác định ông Lý Viết C không biết việc bị cáo Hoàng Đức Q mang pháo về cất giấu trong nhà. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn không có căn cứ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKS-CL ngày 27/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm g, 1 khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Hoàng Đức Q về tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Hoàng Đức Q phạm tội Buôn bán hàng cấm.

Áp dụng điểm g, 1 khoản 2 Điều 190, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự - Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự - Xử phạt bị cáo Hoàng Đức Q từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù giam.

Hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh thể hiện bản thân các bị cáo không có việc làm ổn định, bản thân không có tài sản gì có giá trị. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự - Truy thu đối với bị cáo Hoàng Đức Q 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự - Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, số IMEI 1: 351662616498541, IMEI 2: 352465216498542, máy cũ đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 865073042278094, số IMEI 2: 865073042278086.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội, không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng, giải thích hướng dẫn các bị cáo về quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý, quyền nhờ người bào chữa theo quy định. Các quyết định, hành vi tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người chứng kiến anh Lý Văn L1, anh Trần Viết A đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của người chứng kiến không ảnh hưởng đến việc xét xử vì trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của họ. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người chứng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với số vật chứng đã thu giữ được là 20 (hai mươi) giàn pháo nổ loại 100 lỗ/giàn có đặc điểm là các khối hộp, được bọc bằng mỗi hộp có 100 ống hình trụ được liên kết với nhau có tổng trọng lượng là 78 (bảy mươi tám kilôgam), 05 (năm) thùng bìa catton màu vàng, 05 (năm) bao tải dừa màu xanh, phù hợp Bản kết luận giám định số: 810/KL-KTHS ngày 29/7/2023 của phòng K1 Công an tỉnh L xác định

sổ tang vật thu giữ là P, loại Pháo hoa nổ (có chứa thuốc pháo, khi đốt đều gây ra tiếng nổ) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thừa nhận mua bán pháo nhằm mục đích kiếm lời. Ngoài ra, đối với bị cáo Phạm Văn H tại Bản án số 1967 ngày 24/11/1997 của Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối cao đánh giá bị cáo Phạm Văn H phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm đến nay chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo Phạm Văn H do cố ý, do đó xác định bị cáo phạm tội theo tình tiết định khung tại điểm 1 khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự “tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội Buôn bán hàng cấm được quy định tại điểm g, 1 khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Hoàng Đức Q về tội Buôn bán hàng cấm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, khi phạm tội các bị cáo Phạm Văn H, Hoàng Đức Q có đầy đủ năng lực hành vi, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do vậy các bị cáo Phạm Văn H, Hoàng Đức Q có đủ khả năng để nhận thức việc mua bán pháo là trái với quy định của pháp luật. Hành vi này đã xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước có chức năng sản xuất, buôn bán, kinh doanh trong đó có pháo nổ. Pháo nổ từ lâu đã bị cấm bởi sự nguy hiểm và lãng phí. Việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, đốt pháo có thể gây ra những hậu quả khó lường về sức khỏe, tính mạng, tài sản của nhân dân và gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự tại các địa phương. Để nhằm góp phần ngăn ngừa, răn đe, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liên quan đến pháo nổ Đảng và Nhà nước ta đã áp dụng nhiều biện pháp, hình thức để tuyên truyền vận động nhân dân không tham gia sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, đốt pháo trái phép nhưng vì muốn bán kiếm lời nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội mua bán pháo. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Vụ án này có đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ. Bị cáo Phạm Văn H là người gọi điện cho bị cáo Hoàng Đức Q để mua pháo, bị cáo Hoàng Đức Q đồng ý và đã lấy 78 kg pháo về bán cho bị cáo Phạm Văn H. Do vậy, các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình đã thực hiện.

[6] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Phạm Văn H đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể đã bị xét xử 04 (bốn) lần. Bị cáo Hoàng Đức Q cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể đã bị xét xử 03 (ba) lần và 01 (một) lần xử phạt vi phạm hành chính. Xác định các bị cáo đều có nhân thân xấu.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H, bị cáo Hoàng Đức Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Ngoài ra, bị cáo Phạm Văn H còn bị truy tố tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 134 của Bộ luật hình sự, theo Cáo trạng số 27/CT-VKSPY ngày 06/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (chưa có kết quả xét xử).

[10] Hội đồng xét xử sau khi cân nhắc xem xét về hành vi phạm tội, nguyên nhân phạm tội, vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo, tuy nhiên cũng cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo để từ đó các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[11] Về biện pháp tư pháp: Xác định số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) bị cáo Phạm Văn H đã chuyển cho bị cáo Hoàng Đức Q để mua pháo là số tiền do phạm tội mà có, nên cần phải truy thu đối với bị cáo Hoàng Đức Q số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), để nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190 của Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, tại các biên bản xác minh có trong hồ sơ đều thể hiện bản thân các bị cáo Phạm Văn H, Hoàng Đức Q không có tài sản gì có giá trị, nghề nghiệp không ổn định. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

[14] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, số IMEI 1: 351662616498541, IMEI 2: 352465216498542, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Văn H, bị cáo dùng liên lạc với bị cáo Hoàng Đức Q để mua pháo, xác định là công cụ phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG này để hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[15] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 865073042278094, số IMEI 2: 865073042278086, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Hoàng Đức Q, bị cáo dùng liên lạc với bị cáo Phạm Văn H để mua bán pháo, xác định là công cụ phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO này để hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[16] Đối với nam thanh niên tên T1 theo lời khai của bị cáo Hoàng Đức Q là người bán 20 (hai mươi) giàn pháo cho bị cáo Hoàng Đức Q. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã xác minh tại xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và cho bị cáo Hoàng Đức Q tiến hành nhận dạng những người tên T1 ở độ tuổi từ 23 đến 35 cư trú trên địa bàn xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, bị cáo Hoàng Đức Q không nhận ra ai là T1 đã mang pháo về bán cho bị cáo Hoàng Đức Q. Về số điện thoại 0358.803.995 bị cáo Hoàng Đức Q khai T1 sử dụng để liên lạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã ra lệnh thu giữ thư tín, điện tín. Kết quả trả

lời của Tập đoàn V (V1) chủ thuê bao 0358.803.995 là Tiêu Quốc T2, sinh năm 1984; trú tại: Số E, khóm I, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi nhận được kết quả trả lời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định ủy thác điều tra đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để tiến hành làm việc với Tiêu Quốc T2. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời. Do vậy, chưa xác định được danh tính của nam thanh niên tên T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã tách hành vi để tiếp tục điều tra xác minh đối với trường hợp trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[17] Đối với anh Trần Viết A, sinh năm 1992; trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là lái xe Taxi được Phạm Văn H thuê chở về tỉnh Vĩnh Phúc, không biết việc bị cáo Phạm Văn H thuê để chở “pháo”. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn không đặt vấn đề xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[18] Đối với ông Lý Viết C, sinh năm 1966; trú tại: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là chủ nhà nơi bị cáo Hoàng Đức Q cất giấu pháo. Quá trình điều tra xác định ông Lý Viết C không biết việc bị cáo Hoàng Đức Q mang pháo về cất giấu trong nhà. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn không có căn cứ xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[19] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác thấy rằng đề nghị mà vị đại diện Viện kiểm sát đưa ra là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[20] Về án phí: Các bị cáo bị kết án. Do đó, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[21] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g, 1 khoản 2 Điều 190, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H; (tức: Từ);

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 190, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Đức Q;

Căn cứ khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 293; Điều 331, 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H (tức: Từ), Hoàng Đức Q phạm tội Buôn bán hàng cấm.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H (tức: Từ) 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 27/7/2023.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Đức Q 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 27/7/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Truy thu đối với bị cáo Hoàng Đức Q 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, số IMEI 1: 351662616498541, IMEI 2: 352465216498542, máy cũ đã qua sử dụng, của bị cáo Phạm Văn H và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 865073042278094, số IMEI 2: 865073042278086, máy cũ đã qua sử dụng, của bị cáo Hoàng Đức Q.

(Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn H, Hoàng Đức Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội TH Công an H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Đặng Thị Duyệt